

BÀI 2. STRESS & RULES TO MARK STRESS

QUI TẮC ĐÁNH TRỌNG ÂM

MỘT SỐ QUI TẮC ĐÁNH TRỌNG ÂM CHÍNH CHO CÁC TỪ ĐA ÂM TIẾT

BASIC RULES FOR MARKING PRIMARY STRESSES ON MULTI-SYLLABLE WORDS

1. What is the main (primary) stress of a word? *Main (primary) stress of a word (bearing more than one syllable) is the degree of the loudness or prominence with which a sound or a word is pronounced.*
 Trọng âm chính của một từ đa âm tiết là độ lớn hay thống trị về âm của một âm tiết khi một chùm âm của một từ (có từ hai âm tiết trở lên) được đọc, nói hay phát âm.

2. Some basic rules to mark stresses – Những qui tắc xác định vị trí trọng âm cơ bản:

2.1. For di-syllable words: Đối với các từ có 2 âm tiết.

a. Trọng âm chính của các từ có hai âm tiết thường rơi vào âm tiết thứ 2 đối với các động từ - trừ các âm tiết thứ 2 đó có chứa nguyên âm /ə/, /i/, hoặc /əʊ/, và rơi vào âm tiết thứ nhất đối với các từ loại còn lại, trừ trường hợp âm tiết thứ nhất đó có chứa nguyên âm đơn /ə/. (Primary stresses on di-syllable words are usually on the second syllables for verbs whose second syllables don't contain the vowel sounds of /ə/, /i/, and /əʊ/, and on the first syllables of the other words except for the syllables bearing the vowel sound of /ə/).

Examples:	Verbs	Transcriptions		Nouns	Transcriptions
1.	appeal	/ə'pi:l/	2	1. brother	/'brʌðə/
2.	appear	/ə'piə/	2	2. color	/'kʌlə/
3.	approach	/ə'prəʊtʃ/	2	3. dhoti	/'həʊti/
4.	arrange	/ə'reɪdʒ/	2	4. father	/'fɑ:ðə/
5.	decide	/dɪ'saɪd/	2	5. mother	/'mʌðə/
6.	invite	/ɪn'vaɪt/	2	6. palace	/'pælis/
7.	prepare	/prɪ'peə/	2	7. people	/'pi:pl/
8.	provide	/prə'vaɪd/	2	8. pupil	/'pjʊpəl/
9.	support	/sə'pɔ:t/	2	9. student	/'stju:dnt/
10.	surprise	/sə'praɪs/	2	10. summer	/'sʌmə/
hoặc:	Adjectives	Transcriptions		Adverbs	Transcriptions
1.	ancient	/'eɪnsənt/	1	1. ever	/'evə/
2.	annual	/'ænjʊəl/	1	2. hardly	/'hɑ:dli/
3.	concave	/'kɒnkeɪv/	1	3. never	/'nevə/
4.	cozy	/'kəʊzi/	1	4. often	/'ɔ:fn/
5.	easy	/'i:zi/	1	5. rarely	/'reəli/
6.	happy	/'hæpi/	1	6. rather	/'rɑ:ðə/
7.	muddy	/'mʌdi/	1	7. really	/'riəli/
8.	noisy	/'nɔɪzi/	1	8. scarcely	/'skeəslɪ/
9.	quiet	/'kwaɪət/	1	9. seldom	/'seldəm/
10.	ready	/'redi/	1	10. sometimes	/'sʌmtaɪmz/

Except for: Ngoại trừ các trường hợp

Verbs	Transcriptions		Others	Transcriptions
1. borrow	/'bɒrəʊ/	1	1. afraid	/'əfreɪd/
2. bother	/'bɒðə/	1	2. across	/'əkrɒs/
3. broaden	/'brɒdən/	1	3. around	/'əraʊnd/
4. enter	/'entə/	1	4. canal	/'kə'næl/
5. follow	/'fɒləʊ/	1	5. career	/'kə'riə/
6. harbor	/'hɑ:bər/	1	6. surround	/'sə'raʊnd/
7. suffer	/'sʌfə/	1	7. polite	/'pə'lait/
8. widen	/'waɪdən/	1	8. police	/'pə'lis/
9. loosen	/'lu:zən/	1	9. today	/'tə'deɪ/
10. tighten	/'taɪtən/	1	10. tonight	/'tə'nait/

b. Đối với những từ có mang tiền tố, hậu tố, trọng âm chính của từ đó thường rơi vào âm tiết gốc. (Primary stresses on di-syllable words are usually on the root syllables with words having suffixes or prefixes). Như bảng sau:

Prefixes	Transcriptions		Suffixes	Transcriptions
1. become	/'bi:kʌm/	2	1. threaten	/'θretən/

2.	react	/ ri'ækt /	2	2.	failure	/ 'feiljə /	1
3.	foretell	/ fə'tel /	2	3.	daily	/ 'deili /	1
4.	begin	/ bi'gin /	2	4.	treatment	/ 'tri:tmənt /	1
5.	unknown	/ ʌn'knəʊn /	2	5.	ruler	/ 'ru:lə /	1
6.	prepaid	/ pri'peə /	2	6.	quickly	/ 'kwikli /	1
7.	redo	/ ri'du /	2	7.	builder	/ 'bildə /	1
8.	overact	/ əv'ækt /	2	8.	lately	/ 'leitli /	1
9.	upload	/ ʌp'ləʊd /	2	9.	actual	/ 'æktʃuəl /	1
10.	dislike	/ dis'laik /	2	10.	sandy	/ 'sændi /	1

Ngoại trừ: unkeep / 'ʌnki:p/

Chú ý: Đối với những từ có nhiều chức năng từ vựng khác nhau, trọng âm chính thường rơi vào âm tiết thứ 2 đối với động từ, rơi vào âm tiết thứ nhất đối với các từ loại còn lại. (For words having different word-classes, the main stresses are usually on the second syllables for verbs, the first for other word-classes). Như bảng sau:

Verbs			Others		
	Transcriptions			Transcriptions	
1. rebel	/ ri'bel /	2	1. rebel	/ 'rebəl /	1
2. progress	/ prə'gres /	2	2. progress	/ 'prɒgres /	1
3. suspect	/ səs'pekt /	2	3. suspect	/ 'sʌspekt /	1
4. record	/ ri'kɔ:d /	2	4. record	/ 'rekəd /	1
5. export	/ eks'pɔ:t /	2	5. export	/ 'ekspət /	1
6. conflict	/ kən'flikt /	2	6. conflict	/ 'kɒflikt /	1
7. permit	/ pə'mit /	2	7. permit	/ 'pɜ:mit /	1
8. conduct	/ kən'dʌkt /	2	8. conduct	/ 'kɒn dʌkt /	1
9. perfect	/ pə'fekt /	2	9. perfect	/ 'pɜ:fekt /	1
10. import	/ im'pɔ:t /	2	10. import	/ 'impət /	1

2.2. For words with more than two syllables: Đối với các từ có hơn 2 âm tiết.

a. Đối với các từ có hơn hai âm tiết thông thường trọng âm chính **thường** rơi vào âm tiết thứ ba kể từ âm tiết cuối. (Primary stresses are usually on the 3rd syllables from the end for words with more than two syllables.) Như bảng sau:

Words	Transcriptions	Words	Transcriptions
1. family	/ 'fæmili /	11. biology	/ baɪ'ɔ:lɒdʒi /
2. cinema	/ 'sinəmə /	12. democracy	/ di'mə:krəsi /
3. regular	/ 'regjələ /	13. satisfy	/ 'sætɪsfai /
4. singular	/ 'sɪŋgjələ /	14. dedicate	/ 'delikeɪt /
5. international	/ ɪntə'næʃənəl /	15. philosophy	/ fi'lə:səfi /
6. demonstrate	/ 'demənstreit /	16. philosopher	/ fi'lə:səfə /
7. recognize	/ 'rekɒɡnaɪz /	17. character	/ 'kærɪktə /
8. psychology	/ saɪ'kɔ:lɒdʒi /	18. interest	/ 'ɪntərɪst /
9. qualify	/ 'kwɔ:lɪti /	19. internet	/ 'ɪntənət /
10. biologist	/ baɪ'ɔ:lɒdʒɪst /	20. different	/ 'dɪfərənt /

b. Đối với các từ có tận cùng như **"ian", "ic", "ience", "ient", "al", "ial", "ual", "eous", "ious", "iar", "ion"**, trọng âm **thường** rơi vào âm tiết liền trước của các tận cùng này – thứ 2 kể từ âm tiết cuối. (For words ending in suffixes as **"ian", "ic", "ience", "ient", "al", "ial", "ual", "eous", "ious", "iar", "ion"**, primary stresses are usually on the preceding syllables of these suffixes). Như bảng sau:

Endings	Words	Transcriptions	Words	Transcriptions
1. <i>ian</i>	physician	/ fi'zɪksən /	musician	/ mjʊ'zɪksən /
2. <i>ic</i>	athletic	/ eθ'letɪk /	energetic	/ enə'dʒetɪk /
3. <i>ience</i>	experience	/ ɪks'priəns /	convenience	/ kən'veniəns /
4. <i>ient</i>	expedient	/ ɪks'pediənt /	ingredient	/ ɪn'ɡri:diəns /
5. <i>al</i>	parental	/ pə'rentəl /	refusal	/ re'fju:zəl /
6. <i>ial</i>	essential	/ ɪ'senʃəl /	confidential	/ kənfi'denʃəl /
7. <i>ual</i>	habitual	/ hæ'bi:tʃuəl /	individual	/ ɪndi'vi:duəl /

8. eous	courageous	/ kə'reɪgəs /	spontaneous	/ spɒn'tænəs /
9. ious	delicious	/ de'li:ʃiəs /	industrious	/ in'dʌstriəs /
10. ion	decision	/ di'si:ʒn /	communication	/ kəmju'ni'keɪʃn /
11. iar	familiar	/ fə'mi:liə /	unfamiliar	/ ʌnfə'mi:liə /

Trừ: television / 'televɪzən /

- c. Đối với các từ có tận cùng “*ese*”, “*ee*”, “*eer*”, “*ier*”, “*ette*”, “*oo*”, “*esque*”, trọng âm thường rơi vào chính các âm tiết chứa các tận cùng này. (For words ending in suffixes as “*ee*”, “*eer*”, “*ese*”, “*ier*”, “*ette*”, “*esque*”, “*oo*”, primary stresses are usually on these suffixes). Như bảng sau:

Endings	Words	Transcriptions	Words	Transcriptions
1. ee	refugee	/ refjʊ'dʒi: /	employee	/ ɪm'plɔɪ'i: /
2. eer	volunteer	/ vɒl'ʌn'tiə /	engineer	/ endʒi'niə /
3. ese	Portuguese	/ pɔ:tʃu'gi:s /	Vietnamese	/ viɛtn'ʌ'mi:s /
4. ette	ushrette	/ ʌʃ'ret /	cigarette	/ sigə'ret /
5. esque	bamboo	/ bæm'bu: /	picturesque	/ pɪktʃə'res /
6. oo	kangaroo	/ kæn'gru: /	cukoo	/ kʊ'ku: /
7. oon	saloon	/ sæ'lu:n /	typhoon	/ tai'fu:n /

- d. Đối với các từ có tận cùng là “*ate*”, “*fy*”, “*ity*”, “*ize*”, trọng âm chính thường rơi vào âm tiết thứ ba kể từ âm tiết cuối. (For words ending in “*ate*”, “*fy*”, “*ity*”, “*ize*”, primary stresses are usually on the 3rd syllables from the end.) Như bảng sau:

Endings	Words	Transcriptions	Words	Transcriptions
1. ate	dedicate	/ 'dedikeɪt /	communicate	/ kə'mju:ni'keɪt /
2. fy	classify	/ 'kla:sɪfaɪ /	satisfy	/ 'sætɪsfaɪ /
3. ity	ability	/ ə'bi:lɪti /	responsibility	/ rɛspɔ'sɪ'bɪ:lɪti /
4. ize	recognize	/ 'rekɔɡnaɪz /	urbanize	/ 'z:bənaɪz /
5. ety	society	/ səʊ'saɪəti /	anxiety	/ æŋ'zaɪəti /

- e. Một số trường hợp đặc biệt cần lưu ý:

on the first syllable

Words	Transcriptions
1. internet	/ 'ɪntənɪt /
2. interest	/ 'ɪntərɪst /
3. interested	/ 'ɪntərɪstɪd /
4. interesting	/ 'ɪntərɪstɪ ŋ /
5. character	/ 'kærɪktə /
6. characterize	/ 'kærɪktəraɪz /
7. different	/ 'dɪfərənt /
8. difference	/ 'dɪfərəns /
9. differently	/ 'dɪfərəntli /
10. difficult	/ 'dɪfɪkəlt /
11. difficulty	/ 'dɪfɪkəlti /
12. difficultly	/ 'dɪfɪkəltli /

on the second syllable

Words	Transcriptions
1. important	/ ɪm'pɔ:tənt /
2. remember	/ rɪ'membə /
3. deliver	/ dɪ'lɪvə /
4. september	/ sɛp'tembə /
5. october	/ ɒk'təʊbə /
6. november	/ nəʊ'vembə /
7. december	/ dɪ'sembə /

3rd syllable words

Words	Transcriptions
1. magazine	/ mægə'zi:n /
2. understand	/ ʌndə'stænd /
3. recommend	/ rɪkə'mend /
4. comprehend	/ kəm'pri'hend /

Notes: chú ý:

- Trên thực tế không có một qui tắc bất biến cho việc xác định vị trí trọng âm của từ.
- Việc xác định trọng âm cần thực hiện cùng cách phát âm, dựa nhiều vào kinh nghiệm.
- Những bài tập được cung cấp là những bài tập có tần suất sử dụng lớn để soạn đề thi.

3. Some other rules to mark stresses: Những qui tắc xác định vị trí trọng âm khác:

3.1. Compound words: Từ ghép:

- a. Đối với từ ghép gồm hai loại danh từ thì nhấn vào âm tiết đầu: typewriter; suitcase; teacup; sunrise.

- b. Đối với từ ghép có tính từ ở đầu, còn cuối là từ kết thúc bằng **-ed**, nhấn vào âm tiết đầu của từ cuối: bad-**tempered**.
- c. Đối với từ ghép có tiếng đầu là con số thì nhấn vào tiếng sau: three-**wheeler**.
- d. Từ ghép đóng vai trò là trạng ngữ thì nhấn vào sau: down-**stream** (hạ lưu).
- e. Từ ghép đóng vai trò là động từ nhưng tiếng đầu là trạng ngữ thì ta nhấn âm sau: down-**grade** (hạ bệ); ill-**treat** (ngược đãi, hành hạ).
- f. Danh từ kép: nhấn ở **yếu tố thứ nhất** của danh từ:
- **Noun-Noun**: **class**room, **tea**pot
 - **Noun + Noun**: apple tree, **fountain** pen
 - **Gerund (V-ing) + Noun**: **writing** paper, **swimming** pool
 - **Others**:
 - + Từ cuối là dụng cụ cho từ đầu: a **soup** spoon, a **shool** bus
 - + Từ đầu xác định từ cuối: a **mango** tree; an **apple** tree
 - + Từ cuối là danh từ tận cùng bằng: er, or, ar: a **bookseller**
 - + Trọng âm ở từ sau nếu từ trước chỉ vật liệu chế tạo ra từ sau: a paper **bag**, a brick **house**

3.2. **First syllable stressed**: Nhấn vào âm tiết liền trước của các âm liệt kê.

- a. **ity**: ability, possibility, simplicity, complexity.
- b. **ety**: society, anxiety
- c. **ic, ics**: electric, phonetic, athletics [ngoại lệ: **politic, catholic, Arabic**]
- d. **ical**: historical, electrical, economical, identical
- e. **ive**: impressive, possessive [ngoại lệ: **adjective, transitive, intransitive, positive**]
- f. **ative**: predicative, causative, superlative
- g. **able**: countable, recognizable [ngoại lệ: **honorable, comfortable, miserable, admirable, valuable, inexorable**]
- h. **ible**: comprehensible, indefensible
- i. **tion, tional**: demonstration, dictation, conditional, educational
- j. **sion, sional**: profession, impression, occasional
- k. **y** (2 phụ âm): **happy, busy**

3.3. **Third syllable from the end stressed**: Nhấn vào âm tiết thứ ba kể từ âm tiết cuối của các từ có tận cùng như.

- a. **ate**: concentrate, execrate, generate
- b. **tude**: gratitude, solitude, attitude
- c. **ogy**: physiology, geology (địa chất học), phonology, physiology
- d. **sophy**: philosophy
- e. **aphy**: biography, photography, autobiography
- f. **metry**: geometry, photometry
- g. **nomy**: economy, physiognomy

3.4. **Final syllable stressed**: Nhấn vào âm tiết cuối khi nó chứa các tổ hợp.

- **ade**: lemonade, promenade
- **ee**: trainee, payee, disagree, employee, guarantee
- **eer**: volunteer, pioneer
- **ese**: Vietnamese, Chinese, Japanese
- **ette**: usherette, cigarette, silhouette ("h" câm), statuette.
- **esque**: statuesque, picaresque, picturesque ["que" câm, nhấn "es"]
- **oo**: bamboo, shampoo
- **oon**: typhoon, saloon

BÀI TẬP THỰC HÀNH

Exercise 1: Find the word whose stress pattern is different from the others of the same group.

1. A. afloat B. superior C. passenger D. contribute

2. A. chemistry	B. original	C. tribute	D. emphasis
3. A. sentimental	B. commonplace	C. mathematics	D. information
4. A. pronounce	B. American	C. soldier	D. prefer
5. A. muscular	B. instrument	C. dramatic	D. argument
6. A. magnetic	B. radiation	C. unpleasant	D. equipment
7. A. distraction	B. considerable	C. recommend	D. description
8. A. probability	B. attitude	C. technological	D. entertainment
9. A. emergency	B. encourage	C. shortage	D. distraction
10. A. natural	B. surplus	C. dynamite	D. decision
11. A. legacy	B. illuminate	C. humanity	D. commemorate
12. A. numerous	B. recent	C. telescope	D. forever
13. A. behavior	B. predict	C. occurrence	D. environmental
14. A. mishap	B. evacuate	C. vigorous	D. moderate
15. A. unspeakable	B. accomplish	C. emotional	D. tendency
16. A. expression	B. response	C. psychologist	D. vehicle
17. A. development	B. prevent	C. common	D. avoid
18. A. supply	B. reliever	C. effective	D. remedy
19. A. familiar	B. repellent	C. antiseptic	D. survive
20. A. ingenious	B. device	C. enormous	D. dangerous

Exercise 2: Find the word whose stress pattern is different from the others of the same group.

1. A. paper	B. tonight	C. lecture	D. story
2. A. money	B. army	C. afraid	D. people
3. A. enjoy	B. daughter	C. provide	D. decide
4. A. begin	B. pastime	C. finish	D. summer
5. A. abroad	B. noisy	C. hundred	D. quiet
6. A. passion	B. aspect	C. medium	D. success
7. A. exist	B. evolve	C. enjoy	D. enter
8. A. doctor	B. modern	C. corner	D. Chinese
9. A. complain	B. machine	C. music	D. instead
10. A. writer	B. baker	C. builder	D. career
11. A. provide	B. adopt	C. happen	D. inspire
12. A. result	B. region	C. river	D. robot
13. A. constant	B. basic	C. irate	D. obvious
14. A. become	B. carry	C. appoint	D. invent
15. A. engine	B. battle	C. career	D. rabies
16. A. interesting	B. surprising	C. amusing	D. successful
17. A. understand	B. engineer	C. benefit	D. Vietnamese
18. A. applicant	B. uniform	C. yesterday	D. employment
19. A. dangerous	B. parachute	C. popular	D. magazine
20. A. beautifully	B. intelligent	C. redundancy	D. discovery

Exercise 3: Find the word whose stress pattern is different from the others of the same group.

1. A. comfortable	B. employment	C. important	D. surprising
2. A. variety	B. irrational	C. industrial	D. characterize
3. A. colorful	B. equality	C. dictionary	D. vegetable
4. A. elegant	B. regional	C. musical	D. important
5. A. difference	B. suburban	C. internet	D. character
6. A. beautiful	B. effective	C. favorite	D. popular
7. A. attraction	B. government	C. borrowing	D. visit
8. A. difficulty	B. individual	C. population	D. unemployment

9.	A. biology	B. redundancy	C. interviewer	D. comparative
10.	A. conversation	B. isolation	C. traditional	D. situation
11.	A. continue	B. disappear	C. imagine	D. inhabit
12.	A. altogether	B. capacity	C. eventually	D. particular
13.	A. professor	B. digestion	C. mechanic	D. engine
14.	A. mathematics	B. biology	C. experiment	D. philosophy
15.	A. evolution	B. development	C. discovery	D. philosopher
16.	A. another	B. energy	C. centigrade	D. gravity
17.	A. evaporate	B. temperature	C. impossible	D. experiment
18.	A. gravity	B. professor	C. pyramid	D. remedy
19.	A. abandon	B. discover	C. imagine	D. satisfy
20.	A. activity	B. epidemic	C. philosopher	D. significance

Exercise 4: Find the word whose stress pattern is different from the others of the same group.

1.	A. disease	B. humor	C. cancer	D. treatment
2.	A. remedy	B. exercise	C. pollution	D. surgery
3.	A. pneumonia	B. activity	C. psychiatrist	D. ordinary
4.	A. persuade	B. reduce	C. offer	D. apply
5.	A. expression	B. successful	C. physical	D. prevention
6.	A. farmer	B. farewell	C. factory	D. fairy
7.	A. cattle	B. country	C. canal	D. cover
8.	A. money	B. machine	C. many	D. mother
9.	A. borrow	B. agree	C. await	D. prepare
10.	A. government	B. condition	C. parliament	D. fortunate
11.	A. paper	B. police	C. people	D. purpose
12.	A. interesting	B. important	C. increasing	D. implying
13.	A. element	B. enormous	C. animal	D. elephant
14.	A. damage	B. destroy	C. demand	D. deny
15.	A. biology	B. intelligent	C. environment	D. infrastructure
16.	A. ancient	B. attack	C. alive	D. across
17.	A. person	B. purpose	C. possess	D. pirate
18.	A. eternal	B. enormous	C. enemy	D. Egyptian
19.	A. ruler	B. river	C. retire	D. rapid
20.	A. revolution	B. responsible	C. renovation	D. regulation

Exercise 5: Find the word whose stress pattern is different from the others of the same group.

1.	A. sentence	B. suggest	C. species	D. system
2.	A. bacteria	B. dangerous	C. government	D. interesting
3.	A. attack	B. defeat	C. believe	D. happen
4.	A. pyramid	B. pharaoh	C. animal	D. possession
5.	A. accompany	B. responsibility	C. environment	D. prepare
6.	A. provide	B. improve	C. contain	D. borrow
7.	A. cinema	B. telephone	C. department	D. restaurant
8.	A. design	B. garage	C. market	D. village
9.	A. exercise	B. example	C. holiday	D. stadium
10.	A. excellent	B. exactly	C. dangerous	D. wonderful
11.	A. beautiful	B. elephant	C. already	D. usually
12.	A. theatre	B. unknown	C. absence	D. dinner
13.	A. amuse	B. imagine	C. interest	D. surprise
14.	A. especially	B. beautifully	C. quickly	D. lately
15.	A. policeman	B. performer	C. engineer	D. assistant

- | | | | |
|-----------------|--------------|------------|--------------|
| 16. A. advice | B. beauty | C. picture | D. postcard |
| 17. A. prepare | B. practice | C. prevent | D. provide |
| 18. A. famous | B. curious | C. anxious | D. delicious |
| 19. A. vacation | B. colleague | C. pupil | D. teacher |
| 20. A. theatre | B. career | C. cinema | D. gallery |

Exercise 6: Find the word whose stress pattern is different from the others of the same group.

- | | | | |
|--------------------|----------------|---------------|---------------|
| 1. A. picture | B. business | C. stranger | D. return |
| 2. A. museum | B. cinema | C. hospital | D. concert |
| 3. A. performance | B. unknown | C. visit | D. confirm |
| 4. A. yesterday | B. tonight | C. today | D. tomorrow |
| 5. A. memory | B. article | C. newspaper | D. edition |
| 6. A. sorry | B. tractor | C. police | D. fireman |
| 7. A. interest | B. remember | C. assemble | D. resemble |
| 8. A. policeman | B. semester | C. exercise | D. attendance |
| 9. A. vegetable | B. interesting | C. volleyball | D. detective |
| 10. A. homework | B. lesson | C. detect | D. tennis |
| 11. A. uncle | B. machine | C. rubber | D. butter |
| 12. A. every | B. evening | C. potato | D. factory |
| 13. A. produce | B. money | C. improve | D. because |
| 14. A. vegetable | B. university | C. Wednesday | D. television |
| 15. A. coffee | B. farmer | C. paper | D. deliver |
| 16. A. eleven | B. elephant | C. energy | D. envelope |
| 17. A. preparation | B. decoration | C. television | D. exhibition |
| 18. A. leather | B. paper | C. iron | D. ceramics |
| 19. A. mirror | B. invent | C. wallet | D. engine |
| 20. A. discovery | B. calculator | C. aero-plane | D. difficulty |

